

Bản án số: 58/2019/DS-PT.

Ngày 22 - 3 - 2019.

V/v “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Bà Sơn Nữ Phà Ca.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Tình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2019/TLPT - DS ngày 10 tháng 01 năm 2019, về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2018/DS - ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp A, xã L, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị M: Bà Dương Thùy Tr, sinh năm 1983; Cư trú tại: Số B, đường K, phường M, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, theo văn bản ủy quyền ngày 26/02/2019 (có mặt).

- Bị đơn: Bà Lý Kiều H, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp T, xã L, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Lý Kiều H: Ông Trần Minh Hoan H, sinh năm 1974; cư trú tại: Số A, ấp H, xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, theo văn bản ủy quyền ngày 18/02/2019 (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn An Đ, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp A, xã L, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

2. Ngân hàng A.

Địa chỉ trụ sở chính: Số H, A, Đ, Hà Nội, Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hữu V, sinh năm 1966 (xin vắng

mặt).

Cư trú tại: Ấp T, thị trấn Vũng Liêm, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Hồng A, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp B, xã L, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Bà Lý Kiều H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Trong đơn khởi kiện ngày 20/10/2017 nguyên đơn bà Lê Thị M trình bày:

Ngày 20/8/2015 dl, bà Lê Thị M vay tiền về cho bà Lý Kiều H vay lại 296.000.000 đồng vốn, lãi suất theo Ngân hàng quy định. Bà M giao cho bà H nhận đủ 296.000.000 đồng. Do tín nhiệm quen thân nên khi giao tiền bà H không làm biên nhận cho bà.

Ngày 26/8/2016 bà H tiếp tục nhờ bà M vay đáo hạn tại Ngân hàng A, chi nhánh huyện Vũng Liêm, phòng giao dịch L về cho bà H vay lại. Mục đích để bà H trả nợ cho người khác. Lãi suất hai bên thỏa thuận theo Ngân hàng quy định, bà thấy việc làm ăn của bà H có uy tín và bà H còn thể chấp cho bà 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 890151, vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 05038 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp mang tên Lý Kiều H vào ngày 26/12/2015. Nên bà đồng ý vay tiền về cho bà H vay lại 157.425.000 đồng vốn. Bà H đã nhận đủ số tiền của bà 157.425.000 đồng. Do tín nhiệm nên bà H không làm biên nhận cho bà.

Qua 02 lần bà H vay của bà số tiền là: 296.000.000 đồng + 157.425.000 đồng = 453.425.000 đồng vốn. Giữa bà với bà H có giao kết miệng khi nào bà cần lấy vốn, bà sẽ báo cho bà H trước 02 tháng.

Đến ngày 10/6/2016 âl (nhằm ngày 13/7/2016 dl) bà yêu cầu bà H làm 02 biên nhận đối với số tiền đã vay trước đây: 01 biên nhận H có thiếu chị Đ (tên Đ là tên của chồng bà Lê Thị M) số tiền 296.000.000 đồng và 01 biên nhận H có thiếu chị Đ (tên Đ là tên của chồng bà Lê Thị M) số tiền 157.425.000 đồng.

Sau khi vay tiền và làm 02 biên nhận như đã nêu trên. Bà H trả lãi cho bà đến ngày 10/3/2017 dl còn nợ lại bà M tiền lãi là 47.226.000 đồng và tiền nợ hui cũ là 53.000.000 đồng. Nên cộng chung làm biên nhận thứ 03 vào ngày 10/3/2017 số tiền 100.226.000 đồng. Bà M đồng ý bớt cho bà H 226.000 đồng nên trên biên nhận có ghi bằng chữ một trăm triệu chẵn.

Tổng cộng 03 biên nhận bà H còn nợ bà M số tiền 553.651.000 đồng.

Do đó, bà M khởi kiện yêu cầu bà H phải có nghĩa vụ trả cho bà M và ông Nguyễn An Đ chồng bà M số tiền 553.651.000 đồng (tính tròn: 553.650.000 đồng)

và tính lãi suất 16,5%/tháng. Thời gian tính từ ngày 10/3/2017 đến ngày xét xử vụ án.

Đến ngày 05/10/2018 bà Lê Thị M có bản khai ý kiến:

Bà M yêu cầu bà H trả cho bà M và ông Đ tổng cộng 03 biên nhận với số tiền là 553.651.000 đồng, nhưng bà chỉ yêu cầu bà H trả biên nhận thứ 01 là 296.000.000 đồng, biên nhận thứ 02 là 157.000.000 đồng và biên nhận thứ 03 là 100.000.000 đồng. Tổng cộng 03 biên nhận là 553.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi như sau:

$296.000.000đ \times 1\%/tháng \times 27 \text{ tháng } 15 \text{ ngày (từ ngày 13/7/2016 đến ngày 13/10/2018)} = 81.399.000 \text{ đồng.}$

$157.000.000đ \times 1\%/tháng \times 27 \text{ tháng } 15 \text{ ngày (từ ngày 13/7/2016 đến ngày 13/10/2018)} = 43.174.000 \text{ đồng.}$

$100.000.000đ \times 1\%/tháng \times 19 \text{ tháng } 15 \text{ ngày (từ ngày 10/3/2017 đến ngày 25/10/2018)} = 19.500.000 \text{ đồng.}$

Tổng cộng vốn và lãi là 697.073.000đ. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 890151 do bà Lý Kiều H đứng tên thì khi nào bà H trả đủ tiền vay cho bà thì bà sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H.

- Tại bản khai ý kiến ngày 28/3/2018, đơn yêu cầu ngày 29/6/2018 bị đơn bà Lý Kiều H cùng người đại diện theo ủy quyền của bà H là ông Trần Minh Hoan H trình bày:

Bà H có vay tiền của bà M nhiều lần trong đó số tiền của các lần vay khác nhau, lãi suất cũng khác nhau, số tiền vay nhiều nhất cũng có 50.000.000 đồng. Do bà H không có khả năng trả lãi cho bà M nên tiền vốn và tiền lãi tăng lên. Sau đó bà H có chơi hụi của bà M và có vay tiền của Ngân hàng nên bà có trả cho bà M được một số tiền, cụ thể ở lần vay 250.000.000 đồng ông Đ đã nhận tiền, bà H không có nhận tiền, bà M cho bà H vay 296.000.000 đồng trừ số tiền ông Đ đã nhận 250.000.000 đồng nên bà H còn nợ lại 46.000.000 đồng tính lãi mới ra số tiền chốt lại là 47.226.000 đồng và nợ củ là các khoản nợ trước đây nên vào ngày 13/02/2017(âl) nhằm ngày 10/3/2017(dl) giữa bà H và bà M có đối chiếu các khoản nợ lại thì bà H chỉ còn thiếu bà M số tiền 100.000.000 đồng ngoài ra không còn thiếu tiền gì khác.

Đối với hai biên nhận ngày 10/6/2016 (âl) bà H có ký tên vào hai quyển sổ, một quyển là chính bà H ghi nội dung biên nhận và ký tên, ghi họ tên và một quyển là nội dung biên nhận do bà M viết cho bà H ký tên và ghi họ tên bà H. Biên nhận ngày 13/02/2017 /(âl) nhằm ngày 10/3/2017 (âl) sau khi bà và bà M đối chiếu các khoản nợ thì bà H chỉ còn nợ lại bà M 100.000.000 đồng và đồng thời gạch bỏ hai biên nhận ngày 10/6/2016 (âl), khi gạch bỏ hai biên nhận đó thì bà không có giữ mà do bà M giữ nên bà H không thể cung cấp được cho Tòa án.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 890151 do bà Lý Kiều H đứng tên thì bà đã thế chấp bảo lãnh Ngân hàng cho ông Đ vay. Nay bà H yêu cầu

bà M trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên và bà H không đồng ý trả bà M vốn và lãi là 697.073.000 đồng. Bà H chỉ thừa nhận còn thiếu bà M số tiền là 100.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà M số tiền 100.000.000 đồng, không đồng ý tính lãi.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn An Đ trình bày:*

Thông nhất với ý kiến của bà Lê Thị M đã trình bày như trên, không có ý kiến gì khác.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ngân hàng A có ông Trần Hữu V là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 13/7/2016 ông Nguyễn An Đ có vay số tiền 250.000.000 đồng của Ngân hàng A, chi nhánh huyện Vũng Liêm, phòng giao dịch M do tài sản của ông Đ không đủ để bảo đảm vay số tiền trên nên Ngân hàng yêu cầu ông Đ tăng thêm giá trị tài sản thế chấp thì ông Đ và bà Lý Kiều H có bổ sung thêm hợp đồng thế chấp tài sản bên thứ 3 là bà Lý Kiều H để thế chấp cho khoản vay của ông Nguyễn An Đ. Ông Đ là người trực tiếp nhận số tiền 250.000.000 đồng từ Ngân hàng, hàng quý bà M là vợ ông Đ trực tiếp đóng lãi cho Ngân hàng, đến ngày 29/9/2017 thì bà M đã trả đủ tất toán số tiền vay 250.000.000 đồng vốn vay. Sau đó Ngân hàng đã trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lý Kiều H cho ông Đ và bà M trực tiếp nhận. Hiện nay hợp đồng vay vốn liên quan đến ông Nguyễn An Đ và bà Lý Kiều H đã tất toán xong nên Ngân hàng không có ý kiến và xin vắng mặt không tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2018/DS-ST, ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M và ông Nguyễn An Đ.

Buộc bà Lý Kiều H phải trả lại cho bà Lê Thị M và ông Nguyễn An Đ số tiền vốn vay là 553.000.000 đồng (năm trăm năm mươi ba triệu đồng) và tiền lãi là 144.073.000 đồng (một trăm bốn mươi bốn triệu không trăm bảy mươi ba nghìn đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 697.073.000 đồng (sáu trăm chín mươi bảy triệu không trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lý Kiều H về việc yêu cầu ông Nguyễn An Đ và bà Lê Thị M trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc bà Lê Thị M và ông Nguyễn An Đ có nghĩa vụ trả lại cho bà H một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 890151 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp cho bà Lý Kiều H ngày 20/7/2015.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, chi phí giám định chữ ký, án phí, quyền, nghĩa vụ trong thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 18/11/2018 bị đơn bà Lý Kiều H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm giải quyết: Hủy bản án sơ thẩm số: 39/2018/DS-ST ngày 05/11/2018 hoặc sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của bà H là bà H đồng ý trả

cho bà Lê Thị M số tiền 100.000.000 đồng, đồng thời bà M trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông H đại diện cho bà H vẫn bảo lưu yêu cầu kháng cáo.
- Bà Tr đại diện hợp pháp của bà M đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; các đương sự có mặt đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Lý Kiều H. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Sửa bản án sơ thẩm. Bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục: Bị đơn bà Lý Kiều H kháng cáo trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm được quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[1] Xét toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Lý Kiều H.

[1.1] Xét việc, bà H yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 39/2018/DS-ST, ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm là không có cơ sở chấp nhận. Vì, Tòa cấp sơ thẩm không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nên không có cơ sở để hủy bản án sơ thẩm số 39/2018/DS-ST, ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm theo yêu cầu của bà H.

[1.2] Xét việc, bà H yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phân tố của bà H là bà H đồng ý trả cho bà Lê Thị M số tiền 100.000.000 đồng, đồng thời bà M trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H là có cơ sở chấp nhận một phần. Vì, tại đơn khởi kiện ngày 20/10/2017 bà M yêu cầu bà H phải có nghĩa vụ trả cho bà M và ông Nguyễn An Đ là chồng bà M số tiền 553.651.000

đồng (tính tròn: 553.650.000 đồng) và tính lãi suất 16,5%/tháng. Thời gian tính từ ngày 10/3/2017 đến ngày xét xử vụ án. Ngoài ra cũng tại đơn khởi kiện này bà M thừa nhận sau khi cho bà H vay tiền và làm 02 biên nhận vào ngày 10/6/2016 (nhằm ngày 13/7/2016 dl) với số tiền theo 02 biên nhận là: 296.000.000 đồng + 157.425.000 đồng = 453.425.000 đồng. Bà H có trả lãi cho bà M đến ngày 10/3/2017 dl còn nợ lại bà M tiền lãi 47.226.000 đồng và tiền nợ hui cũ là 53.000.000 đồng. Nên cộng chung làm biên nhận thứ 03 vào ngày 10/3/2017 số tiền 100.226.000 đồng. Bà M đồng ý bớt cho bà H 226.000 đồng nên trên biên nhận có ghi bằng chữ một trăm triệu chẵn. Do đó số tiền 100.000.000 đồng chẵn theo biên nhận ngày 10/3/2017 là nợ lãi và nợ hui nên chỉ buộc bà H trả cho bà M và ông Đ 100.000.000đ theo biên nhận ngày 10/3/2017 mà không phải tiếp tục tính lãi.

Riêng đối với số tiền (296.000.000 đồng + 157.425.000 đồng) = 453.425.000 đồng bà H trả lãi đến ngày 10/3/2017 thì ngưng không tiếp tục trả nên tính lãi suất từ ngày 11/3/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 05/11/2018 là 19 tháng 24 ngày theo mức lãi suất bà M yêu cầu là 1%/tháng. Số tiền lãi được tính như sau: 453.425.000 đồng x 1%/tháng x 19 tháng 24 ngày = 89.778.000 đồng.

Như vậy tổng cộng tiền vốn và lãi bà H phải có nghĩa vụ trả cho bà M và ông Đ là (296.000.000 đồng + 157.425.000 đồng + 100.000.000 đồng + 89.778.000 đồng) = 643.203.000 đồng.

[2] Cấp sơ thẩm buộc bà M và ông Đ có nghĩa vụ trả lại cho bà H một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 890151 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp cho bà Lý Kiều H ngày 20/7/2015 là có cơ sở.

[3] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lý Kiều H, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà H phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho bà M và ông Đ là 643.203.000 đồng, án phí được tính như sau: 20.000.000 đồng + (243.203.000 đồng x 4%) = 29.728.120 đồng làm tròn số 29.728.000 đồng.

Buộc bà M và ông Đ phải chịu án phí đối với số tiền không được chấp nhận: (697.073.000đ - 643.203.000 đồng) x 5% = 2.693.500 đồng và 300.000 đồng tiền án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H được chấp nhận. Tổng cộng bà M và ông Đ phải chịu 2.993.500 đồng.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả bà H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về lãi suất chậm thi hành án, chi phí giám định, quyền, nghĩa vụ trong thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Lý Kiều H. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2018/DS-ST, ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Áp dụng: Các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 160, Điều 161, Điều 162 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 471, 474, 476, 477 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 463, 465, 466, Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Lý Kiều H phải có nghĩa vụ trả bà Lê Thị M và ông Nguyễn An Đ tổng cộng tiền vốn và lãi là 643.203.000 đồng (sáu trăm bốn mươi ba triệu hai trăm lẻ ba ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Lý Kiều H. Buộc bà Lê Thị M và ông Nguyễn An Đ có nghĩa vụ trả cho bà H một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 890151 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp cho bà Lý Kiều H ngày 20/7/2015.

3. Về chi phí giám định: Buộc bà Lý Kiều H nộp 3.000.000 đồng khấu trừ vào 3.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí giám định bà H đã nộp, nên bà H không phải nộp thêm.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Lý Kiều H nộp 29.728.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm theo biên lai thu số 0009033 ngày 29/6/2018. Bà H còn phải tiếp tục nộp 29.428.000 đồng (hai mươi chín triệu bốn trăm hai mươi tám ngàn đồng).

- Buộc bà Lê Thị M và ông Nguyễn An Đ nộp 2.993.500 đồng, được khấu trừ vào 14.291.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm theo biên lai thu số 0008367 ngày 26/10/2017. Hoàn trả cho bà Lê Thị M 11.297.500 đồng (mười một triệu hai trăm chín mươi bảy ngàn năm trăm đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả bà Lý Kiều H 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm theo biên lai thu số 0009351, ngày 19/11/2018.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b;
- CA TAT: 01b;
- TAND H Vũng Liêm: 01b;
- THADS H Vũng Liêm: 02b;
- Đ/sự: 04b;
- Lưu: 06 b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Trường